

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HS-ST**
Ngày 13 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ T**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tàn - Cán bộ nghỉ hưu

Ông Nguyễn Bá Điền - Cán bộ nghỉ hưu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T tham gia phiên toà: Bà Đào Thúy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú T tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hồng S, sinh ngày 10/4/1969; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Thanh B, Phú T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở hiện nay: Khu 10, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ trung tâm bảo trợ trẻ em huyện Thanh B; Con ông: Phạm Văn Ph (đã chết) và bà: Phạm Thị N (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1967; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: - Bản án số 11/2009/HSST ngày 16/01/2009, Tòa án nhân dân huyện Thanh B xử phạt Phạm Hồng S 5.000.000 đồng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. S chấp hành xong Bản án ngày 23/2/2010; - Bản án số 40/2016/HSST ngày 14/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh B xử phạt Phạm Hồng S 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc. S chấp hành xong Bản án ngày 9/11/2016; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 30/12/2019 thì áp dụng biện pháp

cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang ở khu 10, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T. (Có mặt).

2. Họ và tên: Đỗ Đình H, sinh ngày: 15/7/1979; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: Khu 4, xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Đình Tr, sinh năm: 1957 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm: 1981; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang ở xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T. (Có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh ngày: 26/10/1983; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: Khu 4, xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; Gia đình có 2 chị, em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại ở xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T. (Có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh ngày: 30/5/1972; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: khu 3, xã Năng Y (nay là xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1936 (đã chết); Gia đình có 6 anh, chị, em, bị cáo là con thứ năm; Chồng: Đặng Quang Tr (đã chết); Con: Có 2 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", hiện đang ở xã Năng Y (nay là xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú T. (Có mặt).

5. Họ và tên: Đỗ Chí T, sinh ngày: 25/10/197; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: Khu 3, xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Kim H, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1952; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Phí Thị Phương Th, sinh năm 1981; Con: Có 4 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2019 đến ngày 30/12/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang ở xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T. (Có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị H, sinh năm 1954. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T.

3. Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T.

4. Chị Đỗ Thị Kiều Tr, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã Đông Thành, huyện Thanh B, tỉnh Phú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 20 phút ngày 22/12/2019, tại nhà ở của Phạm Hồng S - sinh năm 1969, ở khu 10, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T, Công an tỉnh Phú T phát hiện Phạm Hồng S đánh bạc với nhiều người dưới hình thức mua bán số lô đề qua tin nhắn điện thoại di động. Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng là điện thoại Nokia E72 gắn sim thuê bao số 0986585996.

S quy ước với người chơi như sau: S sẽ nhận số lô, đề qua tin nhắn điện thoại số thuê bao là 0986585996. Số đề được so sánh với hai số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết Miền bắc mở thưởng hàng ngày, ai trúng đề sẽ được trả thưởng gấp 70 lần số tiền đánh; Số lô hai số được so sánh với hai số cuối của tất cả các giải thưởng, mỗi điểm lô là 23.000 đồng. Nếu trúng thưởng thì 1 điểm sẽ được trả 80.000 đồng. Lô xiên 2 và lô xiên 3 quy định một điểm lô xiên thì người đánh phải bỏ ra 10.000 đồng, nếu trúng xiên 2 thì được trả gấp 10 lần số tiền đã đánh, nếu trúng xiên 3 thì được trả gấp 40 lần số tiền đánh. Sau đó, S tự giữ lại hoặc chuyển số lô đề cho người khác để hưởng tiền chênh lệch với số lô là 22.000 đồng/1 điểm lô, số đề trả 75% tổng số tiền. Các bên sẽ tự đối chiếu khi có kết quả xổ số và gọi điện thoại hẹn địa điểm, phương thức thanh toán cho nhau.

Với phương thức như trên, Cơ quan điều tra đã chứng minh ngày 22/12/2019, S đánh bạc với Đỗ Chí T - sinh năm 1977, ở khu 3, xã Ninh D, huyện Thanh B; Nguyễn Thị L - sinh năm 1972 ở khu 3, xã Năng Yên, huyện Thanh B; Mai Thị H - sinh năm 1954, ở khu 9, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B; Đỗ Đình H - sinh năm 1979, ở khu 4, xã Ninh D. Tổng số tiền đánh bạc là 28.412.000 đồng, cụ thể như sau:

1. S nhận tin nhắn lô đề của Đỗ Chí T: Do quen và biết S có nhận số lô, số đề nên ngày 22/12/2019, T sử dụng điện thoại di động lắp sim có số thuê bao 0363287664 nhắn 1 tin nhắn các số lô đề đến số thuê bao của S số 0986585996, với tổng số tiền tương ứng là 6.712.000 đồng. S đã nhắn tin trả lời “OK”, tức là đồng ý. Sau khi biết S bị bắt quả tang thì T đã vứt bỏ điện thoại và sim đã nhắn tin lô đề.

2. S nhận tin nhắn lô đề của Nguyễn Thị L: Do quen và biết S nhận số lô, đề nên ngày 22/12/2019, L sử dụng điện thoại di động lắp sim có số thuê bao là 0702055846 nhắn 7 tin nhắn ghi các số lô, đề cho Phạm Hồng S số thuê bao 0986585996 với tổng số tiền là 15.955.000 đồng. Tiền lô đề L chưa trả cho S. Sau khi biết S bị bắt quả tang, L đã vứt bỏ điện thoại kèm sim. Cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngày 25/12/2019, L đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú.

3. S nhận tin nhắn ghi lô đề của Mai Thị H: Do quen, biết S nhận số lô, đề nên ngày 22/12/2019, H sử dụng điện thoại di động lắp sim có số thuê bao là 0702055846, nhắn 1 tin nhắn ghi các số lô, đề cho Phạm Hồng S số thuê bao 0986585996, tổng số tiền là 3.830.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H và thu giữ 01 điện thoại di động kèm sim đã nhắn tin lô đề cho S.

4. S nhận tin nhắn ghi lô đề của Đỗ Đình H: Do quen và biết S nhận số lô, đề nên ngày 22/12/2019, H sử dụng điện thoại di động lắp sim có số thuê bao là 0869898260, nhắn 5 tin nhắn ghi các số lô, đề cho Phạm Hồng S số thuê bao 0986585996, tổng số tiền là 1.915.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Đình H thì H đưa điện thoại cho vợ để đập nát chiếc điện thoại, đồng thời tiêu hủy sim qua lỗ thoát nước nhà vệ sinh. Cơ quan điều tra đã thu giữ các mảnh vỡ của điện thoại và sim.

Như vậy, ngày 22/12/2019, Phạm Hồng S đã nhận tổng số 14 tin nhắn có nội dung ghi các số lô đề với tổng số tiền tương ứng là 28.412.000 đồng. Toàn bộ số tiền đánh lô, đề người chơi chưa thanh toán cho S. Sau khi nhận các số lô, đề, S tổng hợp và nhắn tin chuyển cho một người phụ nữ có số điện thoại 0337322436, với tổng số tiền tương ứng là 18.890.000 đồng để hưởng tiền hoa hồng. Còn tự giữ lại số tiền lô đề là 9.522.000 đồng để tự đối chiếu kết quả thắng thua. Nếu người chơi trúng thưởng thì S sẽ trả tiền như phương thức đã nêu trên, còn nếu người chơi không trúng thưởng thì S được số tiền 9.522.000 đồng. Cơ quan điều tra đã lập biên bản kiểm tra điện thoại, toàn bộ nội dung tin nhắn đi và đến số thuê bao 0986585996 vẫn lưu giữ các tin nhắn lô đề. S và người chơi đều đã xác nhận nội dung các tin nhắn này. Đối với người phụ nữ tên Tr có số điện thoại 0337.322436, Cơ quan điều tra đã xác minh số thuê bao được kích hoạt, đăng ký tên chủ là Nguyễn Dương Hoàng Đ - sinh ngày 25/2/2000, địa chỉ ở 627/12/28 Trường Ch, phường Tân Thới Nh, Quận 12, thành phố Hồ Chí M. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú T đã ủy thác điều tra. Kết quả điều tra xác định có nhân khẩu là Nguyễn Dương Hoàng Đ, nhưng gia đình đã chuyển đi từ năm 2016 nên hiện nay không xác định được. Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn

Khắc T nhưng không thu giữ gì. Đối với Nguyễn Thị Thùy Tr là vợ của T, do vợ chồng cãi nhau nên Tr đã bế con đi khỏi nhà, hiện nay T không liên lạc được. T khai chỉ sử dụng số thuê bao 0963833883, vợ là Tr sử dụng số 0322549999, ngoài ra không sử dụng số nào khác. Do vậy, không xác định được người phụ nữ tên Tr như lời khai của Phạm Hồng S.

Đối với Đỗ Đình H, sau khi thu giữ các mảnh điện thoại và sim điện thoại H đã đập vỡ, Cơ quan điều tra đã khôi phục và kiểm tra xác định số thuê bao của H là 0869898260. Cũng với phương thức đánh bạc và thỏa thuận giống như Phạm Hồng S, ngày 22/12/2019, H sử dụng số thuê bao và điện thoại này để nhận và chuyển các tin nhắn ghi lô, đề với Nguyễn Thị H - sinh năm 1983, Nguyễn Thị Th - sinh năm 1987; Đỗ Thị Hồng T - sinh năm 1993, đều ở khu 4, xã Ninh D; Đỗ Thị Kiều Tr - sinh năm 1990 ở khu 3, xã Đông Th, huyện Thanh B và đối tượng tên “Xun”, một số người chơi gọi điện thoại đánh trực tiếp và H tự đánh số lô đề. Sau khi tổng hợp, H chuyển cho người khác để hưởng tiền hoa hồng. Cụ thể như sau:

1. H nhận tin nhắn ghi lô đề của Nguyễn Thị Hi: Hi sử dụng điện thoại có số thuê bao 0356076769 nhắn 18 tin nội dung ghi các số lô, đề với tổng số tiền 17.930.000 đồng. Sau mỗi tin nhắn, Hi đều xác nhận và nhắn lại là OK (tức là đồng ý). Sau khi bị phát hiện, Hi đã vứt bỏ điện thoại, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

2. H nhận tin nhắn ghi lô đề của Đỗ Thị Hồng T: T sử dụng số điện thoại 0966123856 nhắn 1 tin ghi các số đề cho Đỗ Đình H, với số tiền 280.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại di động của T.

3. H nhận tin nhắn ghi lô đề của Đỗ Thị Kiều Tr: Tr sử dụng số điện thoại 0968578222 nhắn 1 tin ghi các số đề cho Đỗ Đình H với số tiền là 395.000 đồng. Tr đã vứt bỏ điện thoại, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

4. H nhận tin nhắn của Nguyễn Thị Th: Th sử dụng số điện thoại 0339672786 nhắn 1 tin ghi các số lô, đề cho Đỗ Đình H tương ứng với số tiền là 790.000 đồng.

Ngoài ra, H còn nhận tin nhắn ghi lô đề của một người đàn ông Hù lưu tên “Xun”, số điện thoại 0394809985, với tổng số tiền là 11.710.000 đồng. H khai quen Xun qua một lần đi đá bóng gặp nhau, người đàn ông này cho số điện thoại và bảo H là có nhận lô đề. H không biết tuổi và địa chỉ ở đâu. Tổng số tiền lô đề H nhận của những người này là 31.105.000 đồng. H còn tự đánh thêm khoảng 20.000.000 đồng, nhận trực tiếp của khách đi đường các số lô đề tương ứng với số tiền khoảng 60.000.000 đồng. Sau khi nhận, H tổng hợp và chuyển số lô, đề cho Phạm Hồng S qua tin nhắn điện thoại với số tiền 1.915.000 đồng như đã nêu trên. Số lô, đề H chuyển cho S là tổng hợp một phần từ các số lô đề của Nguyễn Thị H nhắn đến với số tiền tương ứng là 705.000 đồng, còn lại số tiền 1.210.000 đồng tương ứng với số lô đề nhận của khách đi đường. Sau H chuyển cho một người phụ nữ tên K ở Bắc G qua tin nhắn điện thoại số 0981347362 với số tiền lô đề tương ứng là 68.610.000 đồng. Mục đích để hưởng tiền hoa hồng. Còn lại các tin nhắn lô đề tương ứng với

số tiền 34.544.000 đồng, H giữ lại và tự nhấn tin các số lô, đề vào số máy thứ hai của mình là 0966955077 để đối chiếu, thanh toán tiền thắng thua. Cơ quan điều tra đã xác định đối với số thuê bao 0981347362 được kích hoạt bởi chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Cảnh T - sinh năm 1985, ở xã Nham S, huyện Yên D, tỉnh Bắc G. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng Nguyễn Cảnh T không kích hoạt và sử dụng số thuê bao 0981347362. Do vậy, Cơ quan điều tra không xác định được người phụ nữ tên K. Đối với người đàn ông tên “Xun” có số điện thoại 0394809985, Cơ quan điều tra xác định số thuê bao 0394809985 được kích hoạt bởi chứng minh thư nhân dân của Mai Thị H - sinh năm 1941, ở khu 6, xã Thanh V, huyện Thanh B, tỉnh Phú T. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng bà H không kích hoạt và không sử dụng số thuê bao này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xác định được người tên Xun.

Như vậy, trong vụ án này, Đỗ Đình H đã đánh bạc với Nguyễn Thị H, số tiền đánh bạc là 17.930.000 đồng; với Nguyễn Thị Th, số tiền đánh bạc là 790.000 đồng; với Đỗ Thị Hồng T, số tiền đánh bạc là 280.000 đồng; Đỗ Thị Kiều Tr, số tiền đánh bạc là 395.000 đồng và với Phạm Hồng S số tiền đánh bạc bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 1.210.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc Đỗ Đình H phải chịu trách nhiệm hình sự là 20.605.000 đồng (18 tin nhắn ghi lô đề). Đối với hành vi nhận số lô, đề tương ứng với số tiền nhận của Xun và khách đi đường, đánh trực tiếp và tự đánh thêm (H không nhớ số điện thoại, người chơi, số lô đề và số tiền đánh bạc tương ứng) sau đó chuyển cho người phụ nữ tên K và tự nhấn đến số thuê bao của mình, Cơ quan điều tra tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và Đỗ Chí T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vì mục đích muốn hưởng tiền hoa hồng và tiền chênh lệch thắng thua nên các bị can đã thực hiện hành vi đánh bạc

*** Vật chứng và tài sản thu giữ**

- Thu của Phạm Hồng S khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp nơi ở: 01 điện thoại di động E72 số imel 351513041707719, lắp sim có số thuê bao 0986585996; thu: 815.000.000 đồng, 560 USD, 50 Euro, 1 quyển sổ bìa in chữ “Giáo án”, 5 giấy cho vay tiền và bán, tặng cho xe mô tô, 01 kết sắt nhãn hiệu Hasimo. Quá trình xác minh xác định điện thoại di động S sử dụng để nhận tin nhắn số lô, đề. Đối với tiền đã tạm giữ là tiền mừng đám cưới của con gái gửi chị Nguyễn Thị Phương Ng là vợ của S. Sổ, giấy vay tiền và kết sắt không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 3/1/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản gồm: 815.000.000 đồng, 560 USD, 50 Euro, 1 sổ, 5 loại giấy tờ, 01 kết sắt nhãn hiệu Hasimo. Chị Nguyễn Thị Phương Ng, là vợ của S đã nhận đủ và không có đề nghị gì.

- Thu của Đỗ Đình H khi khám xét khẩn cấp nơi ở: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng kèm sim số 0966.955.077 bị đập vỡ; 01 mảnh sau

của điện thoại Iphone màu vàng; 03 mảnh kim loại, nhựa bị vỡ; 01 sim điện thoại 4G Viettel số 9848048000031689498. Đây là điện thoại và sim H sử dụng để nhắn tin nhận và chuyển số lô đề.

- Thu của Mai Thị H khi khám xét khẩn cấp nơi ở: 01 điện thoại Masstel màu xanh gắn sim có số thuê bao 0377224083 và 0859720014, số imel 1: 301014154647553, số imel 2: 301014154647561 và số tiền 50.500.000 đồng. Điện thoại và sim H sử dụng để nhắn tin lô đề cho Sơn. Số tiền thu giữ là tiền bồi thường dự án của gia đình H. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 50.500.000 đồng cho H ngày 3/1/2020.

- Thu của Nguyễn Thị Th (tự giao nộp) 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, gắn sim thuê bao số 0339672786. Đây là điện thoại Th sử dụng nhắn tin lô đề.

- Thu của Đỗ Thị Hồng T (tự giao nộp) 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, gắn sim thuê bao số 0966123856. Đây là điện thoại Th sử dụng để nhắn tin lô đề.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo: Quá trình điều tra xác định Phạm Hồng S có tài sản chung vợ chồng là nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 3.547,9m² ở khu 10, thị trấn Thanh B; Nguyễn Thị H có tài sản chung vợ chồng là nhà cấp 4 trên diện tích đất 100m², thửa số 490 ở khu 4, xã Ninh D; Đỗ Chí T có tài sản chung vợ chồng là nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 80m², thửa số 201 ở khu 3, xã Ninh D; Đỗ Đình H và Nguyễn Thị L không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

Cáo trạng số: 17/CT-VKSPT-P2 ngày 18 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T truy tố các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Chí T, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự ;

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và Đỗ Chí T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hồng S.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng S từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 08 ngày tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 17 tháng 06 ngày đến 20 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo

không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Thanh B, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Phạm Hồng S số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Hồng S trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 06 ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 12 ngày đến 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Ninh D, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Đình H.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đình H 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 06 ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Ninh D, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Đình H số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đỗ Đình H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng

theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Nguyễn Thị L.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị L.

Phạt bị cáo Đỗ Chí T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đỗ Chí T.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với các vật chứng mà các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sử dụng làm phương tiện đánh bạc như sau:

+ 01 điện thoại di động E72 số imel 351513041707719 của bị cáo Phạm Hồng S.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng (điện thoại đã bị đập vỡ) của bị cáo Đỗ Đình H.

+ 01 điện thoại Masstel màu xanh số imel 1: 301014154647553, số imel 2: 301014154647561 của bà Mai Thị H.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của chị Nguyễn Thị Th.

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của chị Đỗ Thị HồngThắm.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 mảnh sau của điện thoại Iphone màu vàng; 03 mảnh kim loại; 01 sim điện thoại 4G Viettel số 9848048000031689498 số thuê bao 0869.898.260; 01 sim số thuê bao 0966.955.077 thu của Đỗ Đình H.

+ 01 sim có số thuê bao 0986585996 thu của Phạm Hồng S.

+ 02 sim có số thuê bao 0377224083 và 0859720014 thu của bà Mai Thị H.

+ 01 sim thuê bao số 0339672786 thu của chị Nguyễn Thị Th.

+ 01 sim thuê bao số 0966123856 thu của chị Đỗ Thị HồngThắm.

(Tình trạng vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T ngày 18 tháng 3 năm 2020).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 15.955.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Đỗ Chí T số tiền 6.712.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

+ Bị cáo Đỗ Đình H số tiền 1.210.000 đồng (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 17.930.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Bà Mai Thị H số tiền 3.830.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Th số tiền 790.000 đồng (Bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Chị Đỗ Thị Hồng T số tiền 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Chị Đỗ Thị Kiều Tr số tiền 395.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tạm giữ số tiền của các bị cáo đã nộp trước khi xét xử để đảm bảo việc thi hành án:

+ Bị cáo Phạm Hồng S số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002024 ngày 12/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Đỗ Chí T số tiền 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001999 ngày 08/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 18.130.000 đồng (Mười tám triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001998 ngày 09/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 16.155.000đ (Mười sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001995 ngày 23/3/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

- Các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và Đỗ Chí T. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có lời bào chữa nào khác, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu thu giữ được và xác định:

Ngày 22/12/2019, Phạm Hồng S có hành vi đánh bạc với hình thức sử dụng số điện thoại 0986585996 của mình để nhận các tin nhắn có nội dung ghi số lô đề: Nhận của Nguyễn Thị L 7 tin nhắn tương ứng với số tiền đánh bạc là 15.955.000 đồng; của Đỗ Chí T 1 tin nhắn tương ứng số tiền đánh bạc là 6.712.000 đồng; của Mai Thị H 1 tin tương ứng số tiền đánh bạc là 3.830.000 đồng và của Đỗ Đình H 5 tin tương ứng số tiền đánh bạc là 1.915.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc Phạm Hồng S phải chịu trách nhiệm hình sự là 28.412.000 đồng. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày thì tổ công tác của Công an tỉnh Phú T bắt quả tang Phạm Hồng S đang có hành vi đánh bạc tại nhà của Sơn ở khu 10, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T.

Cùng với phương thức đánh bạc như Phạm Hồng S, ngày 22/12/2019, Đỗ Đình H đã sử dụng số điện thoại 0869898260 nhận tin nhắn ghi các số lô đề: của Nguyễn Thị H 18 tin, tương ứng số tiền đánh bạc là 17.930.000 đồng; của Nguyễn Thị Th 1 tin, số tiền đánh bạc là 790.000 đồng; Đỗ Thị Hồng T 1 tin, số tiền đánh bạc là 280.000 đồng; Đỗ Thị Kiều Tr 1 tin, số tiền đánh bạc là 395.000 đồng. Sau khi nhận tin nhắn, Đỗ Đình H đã chuyển các số lô đề cho Phạm Hồng S tương ứng với số tiền 1.915.000 đồng, trong đó một phần số lô, đề tương ứng với số tiền 705.000 đồng là Hùng nhận từ Nguyễn Thị H. Còn lại số lô đề tương ứng với số tiền 1.210.000 đồng là Hùng nhận của người đi đường không xác định được. Do vậy, Đỗ Đình H phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đánh bạc là 20.605.000 đồng.

Toàn bộ số tiền đánh bạc các bị cáo và người chơi chưa thanh toán cho nhau.

Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Chí T, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T truy tố là đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm, có sự độc lập tương đối về tính chất của hành vi phạm tội, cũng như vai trò của các bị cáo, xong lại liên quan với nhau.

Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Chí T, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Phạm Hồng S tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Ngày 25 tháng 4 năm 2020 Công an thị trấn Thanh B có công văn số 18, ghi nhận đóng góp của bị cáo trong việc hợp tác và cung cấp một số thông tin có giá trị cho Công an thị trấn Thanh B nhằm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là trước khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 28.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt. Hiện nay bị cáo đã nghỉ việc tại Trung tâm bảo trợ trẻ em huyện Thanh B và là lao động tự do thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Đỗ Đình H tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt. Bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là trước khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 18.130.000đồng khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt. Bị cáo là lao

động tự do thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Đỗ Chí T tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là bố đẻ bị cáo ông Đỗ Kim H là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; trước khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 6.912.000 đồng khắc phục hậu quả. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần lên cho bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là bị cáo đầu thú; trước khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 16.155.000 đồng khắc phục hậu quả. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần lên cho bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người công dân tốt.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H; miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Nguyễn Thị L.

[4] Đối với Mai Thị H, Đỗ Thị Hồng T, Nguyễn Thị Th, Đỗ Thị Kiều Tr có hành vi đánh bạc trái phép nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, nên hành vi chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an tỉnh Phú T đã ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với khoản tiền các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Đối với các vật chứng là điện thoại di động mà các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sử dụng làm phương tiện phạm tội được tịch thu để sung công quỹ Nhà nước;

Đối với những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với những đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Phú T đã trả lại cho chủ sở hữu theo các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu có lưu trong hồ sơ là hợp pháp. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến trong phần Quyết định của Bản án.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đã đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự. Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và Đỗ Chí T, phạm tội: “Đánh bạc”

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hồng S.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng S 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Phạm Hồng S số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Hồng S trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Đình H.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đình H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 30/12/2019 quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Ninh D, huyện Thanh B, tỉnh Phú T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Đình H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đỗ Đình H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng

theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Nguyễn Thị L .

Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị L.

Phạt bị cáo Đỗ Chí T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đỗ Chí T.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với các vật chứng mà các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sử dụng làm phương tiện đánh bạc như sau:

+ 01 điện thoại di động E72 số imel 351513041707719 của bị cáo Phạm Hồng S.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng (điện thoại đã bị đập vỡ) của bị cáo Đỗ Đình H.

+ 01 điện thoại Masstel màu xanh số imel 1: 301014154647553, số imel 2: 301014154647561 của bà Mai Thị H.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của chị Nguyễn Thị Th.

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của chị Đỗ Thị HồngThắm.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 mảnh sau của điện thoại Iphone màu vàng; 03 mảnh kim loại; 01 sim điện thoại 4G Viettel số 9848048000031689498 số thuê bao 0869.898.260; 01 sim số thuê bao 0966.955.077 thu của Đỗ Đình H.

+ 01 sim có số thuê bao 0986585996 thu của Phạm Hồng S.

+ 02 sim có số thuê bao 0377224083 và 0859720014 thu của bà Mai Thị H.

+ 01 sim thuê bao số 0339672786 thu của chị Nguyễn Thị Th.

+ 01 sim thuê bao số 0966123856 thu của chị Đỗ Thị HồngThắm.

(Tình trạng vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T ngày 18 tháng 3 năm 2020).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 15.955.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Đỗ Chí T số tiền 6.712.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

+ Bị cáo Đỗ Đình H số tiền 1.210.000 đồng (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 17.930.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Bà Mai Thị H số tiền 3.830.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Th số tiền 790.000 đồng (Bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Chị Đỗ Thị Hồng T số tiền 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Chị Đỗ Thị Kiều Tr số tiền 395.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tạm giữ số tiền của các bị cáo đã nộp trước khi xét xử để đảm bảo việc thi hành án:

+ Bị cáo Phạm Hồng S số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002024 ngày 12/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Đỗ Chí T số tiền 6.912.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001999 ngày 08/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 18.130.000 đồng (Mười tám triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001998 ngày 09/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

+ Bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 16.155.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001995 ngày 23/3/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú T.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Các bị cáo Phạm Hồng S, Đỗ Đình H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L và Đỗ Chí T. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Phú T;
- Sở Tư Pháp tỉnh Phú T;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú T;
- Thông báo:UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS,AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Thành